

# NHỮNG THÀNH TỰU NGHIÊN CỨU VỀ ĐÔNG NAM Á HẢI ĐẢO

DƯƠNG VĂN HUY\*

## 1. Về lịch sử, văn hoá các nước Đông Nam Á hải đảo

Nghiên cứu về lịch sử và văn hoá Đông Nam Á hải đảo là một trong những hướng nghiên cứu quan trọng ngay từ ban đầu của Viện Nghiên cứu Đông Nam Á, đặc biệt là nghiên cứu về quá trình phát triển lịch sử, những đặc trưng văn hoá, tôn giáo, nổi bật nhất là Islam giáo ở khu vực này. Trong số những nghiên cứu ấy phải kể đến “*Yếu tố biển trong văn hoá Đông Nam Á*” của Cao Xuân Phổ (Nghiên cứu Đông Nam Á, số 4, 1994). Trong nghiên cứu này tác giả đã phân tích vai trò của biển trong việc định hình và phát triển văn hoá Đông Nam Á trong suốt chiều dài lịch sử, trong đó có văn hoá Việt.

Nghiên cứu về Indonesia có các công trình “*Tìm hiểu văn hoá Indonesia*” của Nguyễn Đức Ninh chủ biên (xuất bản năm 1997); Ngô Văn Doanh cũng công bố nghiên cứu “*Indonesia - đất nước con người*” (Nxb Thông tin, 1993) và “*Indonesia - những chặng đường lịch sử*” (Nxb Chính trị Quốc gia, 1995). Bên cạnh

đó cuốn sách “*Tìm hiểu lịch sử - văn hoá Đông Nam Á hải đảo*” của nhiều tác giả đã làm rõ thêm được yếu tố “thống nhất trong đa dạng” của Indonesia, giới thiệu những di tích khảo cổ học tiền sử và sơ sử ở Malaysia, văn học cổ điển Malaysia. Bộ sách hai tập “*Tìm hiểu lịch sử văn hoá Philippines*”, trong đó tập I (Nxb Khoa học Xã hội, 1996) giới thiệu khái quát về đất nước con người và các vấn đề văn hoá, kinh tế Philippines, khởi đầu cho các nghiên cứu chuyên sâu mà kết quả được phản ánh trong tập II của bộ sách (Nxb Khoa học Xã hội, 2001). Một phần của công trình được thực hiện nhân kỷ niệm 100 năm thành lập nước Cộng hoà Philippines (1898-1998). Cuốn sách đề cập đến cuộc cách mạng 1898, quá trình can thiệp của Mỹ và cuộc đấu tranh của nhân dân Philippines vì độc lập cũng như các vấn đề lịch sử, văn hoá, chính trị, quan hệ đối ngoại, kinh tế Philippines<sup>(1)</sup>. Bên cạnh đó, cuốn sách “*Liên bang Malaysia: Lịch sử văn hoá và những vấn đề hiện đại*” của nhiều tác giả (Nxb Khoa học Xã hội, 1998) đã đi sâu phân tích các vấn đề văn hoá, xã hội, các

\* PGS.TS. Dương Văn Huy, Viện Nghiên cứu Đông Nam Á



vấn đề hiện đại của quốc gia này. Trong thời gian này, ngoài một số chuyên khảo còn có nhiều chuyên luận về văn học Indonesia, Malaysia và văn học dân gian Philippines được đăng tải trên các tạp chí chuyên ngành.

Đi đôi với các bài viết là các sách công cụ về Đông Nam Á hải đảo như *"Từ điển Indonesia- Việt"* (Nxb Khoa học Xã hội, 1991); *"Từ điển lịch sử văn hoá Malaysia"* do Nguyễn Đức Ninh chủ biên (Nxb Khoa học Xã hội 2012). Công trình nghiên cứu *"Malaysia: Lịch sử và những vấn đề hiện đại"* (xuất bản năm 1998). Nghiên cứu này trình bày khái quát về địa lý, tộc người và quá trình lịch sử của Malaysia. Đồng thời, cuốn sách này cũng trình bày các vấn đề về ngôn ngữ, văn học, nghệ thuật, tôn giáo, phong tục. Bên cạnh đó, cuốn sách cũng trình bày và phân tích các bước đi trong phát triển kinh tế Malaysia tương đối toàn diện. Bên cạnh đó, một số nghiên cứu về văn học Malaysia như: *"Văn học Malaysia: truyền thống và hiện đại"* của Nguyễn Đức Ninh trong sách *"Văn học các nước ASEAN"* (Trung tâm KHXH, Hà Nội 1996); *"Truyện sử Malaysia"* của Lê Thị Thanh Hương.

Lĩnh vực tôn giáo và tín ngưỡng ở Đông Nam Á hải đảo được các nhà nghiên cứu của Viện quan tâm, đặc biệt là TS. Phạm Thị Vinh với một số nghiên cứu tiêu biểu như: *"Hồi giáo và chủ nghĩa dân tộc ở Malaysia"* (Nghiên cứu Đông Nam Á, số 4 năm 1997); *"Hồi giáo trong nền chính trị Malaysia"* trong sách *Liên bang Malaysia* (Nxb Khoa học Xã hội, 1998); *"Một số vấn đề về xung đột sắc tộc và tôn giáo ở Đông Nam Á"* (chủ biên, Nxb KHXH, 2008). Đây là những nghiên cứu đề cập cụ thể đến vai trò chức năng, tác động của Hồi giáo đến

mọi lĩnh vực đời sống xã hội của Malaysia. Hồi giáo ở Malaysia được coi là "thánh địa" ở vùng Đông Nam Á<sup>(2)</sup>. Tác giả Phạm Thị Vinh với tư cách là chủ biên cũng đã công bố nghiên cứu *"Một số vấn đề xung đột sắc tộc và tôn giáo ở Đông Nam Á"* (Nxb Khoa học Xã hội, 2007). Nghiên cứu này đã tiếp nối và đi sâu nghiên cứu lịch sử văn hoá, tôn giáo và sắc tộc của Malaysia, Indonesia và Singapore để lý giải các vấn đề chính trị - xã hội hiện nay. Bên cạnh đó, có những bài viết về kinh nghiệm của Malaysia và Singapore trong việc ngăn ngừa những yếu tố tiềm ẩn có khả năng dẫn đến xung đột và ly khai, đưa đất nước tiến nhanh trên con đường công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Thông qua nghiên cứu này, nhóm tác giả muốn chỉ ra rằng, bài học giải quyết vấn đề xung đột sắc tộc, tôn giáo bằng con đường hoà bình, xây dựng một xã hội ổn định, phần vinh thông qua chính sách phát triển kinh tế - xã hội, xoá đói giảm nghèo, thực hiện công bằng xã hội, thừa nhận và tôn trọng sự đa dạng văn hoá và bản sắc của mỗi tộc người trong một quốc gia<sup>(3)</sup>.

Cũng theo hướng này, công trình *Islam ở Malaysia* của Phạm Thị Vinh (Nxb Khoa học Xã hội, 2008) đã đi sâu phân tích và đánh giá vai trò của Islam trong ba khía cạnh đó là trong truyền thống, trong đời sống văn hoá - xã hội và đặc biệt là trong nền chính trị Malaysia. Không chỉ đối với Malaysia, Islam ở Đông Nam Á tuy đến sau nhưng đã hoà nhập vào truyền thống văn hoá bản địa để trở thành không chỉ bộ phận của nền văn hoá quốc gia mà còn là yếu tố quan trọng trong nền chính trị các quốc gia nói tiếng Malayu. Islam "vừa là yếu tố liên kết dân tộc, vừa là yếu tố gây chia rẽ và có nguy cơ dẫn đến xung đột sắc tộc, tôn giáo, gây bất ổn chính trị và toàn vẹn lãnh thổ, nhất là ở Indonesia,



Malaysia, Philippines, Thái Lan và Myanmar<sup>(4)</sup>. Vì vậy, công trình này có ý nghĩa như một khâu đột phá trong nghiên cứu Islam ở khu vực với trên 200 triệu tín đồ và chiếm đa số cư dân Brunei, Malaysia và Indonesia. Theo tác giả, không có giải pháp chung cho vấn đề dân tộc, tôn giáo ở các nước khác nhau, nhưng kinh nghiệm của Malaysia trong việc giải quyết vấn đề mối quan hệ giữa sắc tộc và tôn giáo có thể cung cấp bài học bổ ích cho Việt Nam và các nước trong khu vực.

Ngô Văn Doanh trong nghiên cứu của mình với tiêu đề “*Về cộng đồng Islam giáo ở Philippines - người Moro*” (Nghiên cứu tôn giáo, số 7&8, 2009), cũng cho rằng, có lẽ nơi có bức tranh tôn giáo khá đặc biệt ở khu vực Đông Nam Á là vùng quần đảo Philippines. Mà mảng đặc biệt nhất trong bức tranh tôn giáo của Philippines là Islam giáo, một tôn giáo mà cho tới nay luôn là vấn đề nóng bỏng và khó giải quyết nhất của chính quyền dù rằng tín đồ của Islam ở đây không nhiều (khoảng 5,3% dân số nước này). Đồng thời, tác giả cũng chỉ ra rằng, kể từ khi Cộng hòa Philippines được thành lập, Moro không chỉ là vấn đề tiếp tục tồn tại mà còn phát triển mạnh mẽ và căng thẳng vào thời điểm này hoặc thời điểm khác. Không chỉ vậy, trong công trình “*Về tính chính trị - xã hội của đạo Hồi*” (Nxb Thế giới, 2013), tác giả Ngô Văn Doanh cho rằng, trong suốt cả chiều dài lịch sử hình thành và phát triển của mình, hơn bất kỳ tôn giáo lớn nào khác, đạo Hồi không chỉ là một tôn giáo mà còn là ngọn cờ chính trị. Hồi giáo đã tạo ra những cộng đồng đặc biệt, rất khác so với các cộng đồng tôn giáo khác trên thế giới. Tại các quốc gia mà cư dân chủ yếu là người Hồi giáo như Indonesia, Brunei và Malaysia, Hồi giáo có vai trò lớn và trực tiếp trong nhiều mặt đời

sống chính trị của đất nước. Thế nhưng, bên cạnh những ảnh hưởng tích cực, tại các quốc gia Hồi giáo trên, đạo Hồi cũng có những biểu hiện và những hoạt động đối lập, thậm chí ly khai với các xu hướng chính trị và chính sách của chính quyền.

Công trình “*Xã hội dân sự ở Malaysia và Thái Lan*” do Lê Thị Thanh Hương chủ biên (Nxb Khoa học Xã hội, 2009) đã làm rõ khái niệm xã hội dân sự nói chung và ở Đông Nam Á nói riêng. Bên cạnh đó, nghiên cứu cũng đã phân tích, đánh giá các bình diện xã hội dân sự (môi trường, cấu trúc và tác động của xã hội dân sự) ở Malaysia và Thái Lan, từ đó đưa ra đánh giá về tác động của xã hội dân sự đến sự phát triển xã hội và quản lý xã hội ở các quốc gia này. Ngoài ra, nghiên cứu này cũng so sánh xã hội dân sự ở hai nước Malaysia và Thái Lan, so sánh xã hội dân sự ở hai quốc gia này với thế giới phương Tây. Qua đó có thể thấy hai đặc điểm của xã hội dân sự Đông Nam Á là: (i) nhà nước đóng vai trò quan trọng đối với hoạt động của xã hội dân sự, hay nói cách khác, sự phụ thuộc của xã hội dân sự vào nhà nước khá lớn; và (ii) tính đặc thù của dân chủ Đông Nam Á do sự chi phối của những yếu tố chính trị, kinh tế, xã hội và văn hoá. Dân chủ thường được xem là dân chủ từ trên xuống dưới, từ đỉnh xuống đáy<sup>(5)</sup>.

Nghiên cứu về các lĩnh vực lịch sử văn hoá còn có công trình “*Từ điển lịch sử và văn hoá Malaysia*” do Nguyễn Đức Ninh chủ biên (Nxb KHXH, 2012). Đây là từ điển chuyên ngành mang tính chất thông tin bách khoa về lĩnh vực lịch sử và văn hoá các nước. Nguyễn Duy Dũng - Dương Văn Huy, “*Văn hoá biển đảo Việt Nam trong cái nhìn tham chiếu với khu vực Đông Nam Á*” (Nghiên cứu Văn học, 6



(232), 2016), trong đó các tác giả đã phân tích và cho rằng nhìn từ góc độ địa - văn hoá, Việt Nam được coi như là một “Đông Nam Á thu nhỏ”, đồng thời văn hoá Việt Nam cũng có tính “thống nhất trong đa dạng”. Điều đó có nghĩa là để cấu thành nên chỉnh thể văn hoá Việt Nam thì yếu tố văn hoá biển đảo giữ vai trò quan trọng. Trong bài viết này, các tác giả tập trung phân tích yếu tố văn hoá biển đảo trong văn hoá Việt Nam trong cái nhìn tham chiếu với văn hoá khu vực. Thứ nhất, phân tích yếu tố biển đảo trong sự hình thành văn hoá Việt Nam. Thứ hai, làm rõ được những thành tố chung trong văn hóa biển giữa Việt Nam với Đông Nam Á, nhất là những biểu hiện trong các yếu tố văn hóa văn học dân gian.

Đồng thời, Dương Văn Huy với nghiên cứu về “*Con đường tơ lụa trên biển*” trong lịch sử và sự hội nhập của Đông Nam Á” (Nghiên cứu Đông Nam Á, số 10/2016) đã đánh giá, phân tích cơ sở lịch sử đối với việc hình thành con đường tơ lụa trên biển cổ đại. Với tư cách là những tuyến thương mại trên biển, con đường tơ lụa trên biển là bộ phận quan trọng của mạng lưới thương mại toàn cầu trong lịch sử. Hầu hết những mặt hàng nổi tiếng được vận chuyển là tơ lụa, gốm sứ, hương liệu, cho nên những tuyến thương mại biển này cũng được gọi là Con đường tơ lụa, Con đường gốm sứ, Con đường hương liệu. Con đường này xuất hiện từ thời nhà Tần, Hán, tuy nhiên đến nửa cuối thế kỷ thứ VIII, do nạn chiến tranh cướp bóc ở khu vực phía Tây khiến cho tuyến buôn bán trên bộ đã hoàn toàn suy tàn làm cho quy mô thương mại Con đường tơ lụa trên biển bùng nổ. Hàng hóa buôn bán trên con đường này được các thương nhân đem từ duyên hải phía Tây Nhật Bản, duyên hải Trung Hoa,

qua Đông Nam Á, qua Ấn Độ đến Địa Trung Hải. Bên cạnh đó, các quốc gia Đông Nam Á giữ vai trò trung gian mang tính then chốt trong Con đường tơ lụa trên biển khi mà Trung Quốc ban hành hàng loạt chính sách cấm biển hay “Hải cấm”. Ngoài ra, bài viết này cũng tập trung vào quá trình hội nhập của Đông Nam Á đối với thị trường thế giới khi mà hương liệu trở thành những hàng hóa chủ yếu của Con đường tơ lụa trên biển.

Liên quan đến lịch sử thương mại biển khu vực Đông Nam Á hải đảo, một số nghiên cứu được công bố như Dương Văn Huy với nghiên cứu “*Thương Cảng Manila thế kỷ 17*” (Nghiên cứu Đông Nam Á, 3 (120), 2010), trong đó tác giả chỉ ra rằng, đến năm 1565, sau khi đánh chiếm Philippines, để khai thác tối đa lợi thế của Philippines và các thuộc địa ở Mỹ Latinh, Tây Ban Nha đã mở ra tuyến mậu dịch hàng hải thuyền buồm lớn từ Manila đến Acapulco của Mexico, vận chuyển bạc của Mexico đến Manila để lấy tơ sống và lụa của Trung Quốc. Tây Ban Nha đã biến Manila trở thành trung tâm mậu dịch quan trọng của Philippines và cả khu vực, và là đầu mối quan trọng trong tuyến thương mại châu Á và Mỹ Latinh. Tơ lụa và các hàng hoá khác từ thị trường Đông Á được đưa qua Mexico, rồi từ Mexico hàng hoá lại được tái xuất khẩu vào các nước châu Âu. Cuối thế kỷ 16 và cho đến thế kỷ 17, thương cảng Manila trở nên phồn thịnh, và trở thành một trong những thương cảng với tư cách là trạm trung chuyển quan trọng trong những hoạt động mậu dịch khu vực và thế giới. Và thị trường Đông Bắc Á là một trong những nhân tố quan trọng ảnh hưởng tới sự hưng thịnh cũng như suy tàn của cảng thị này.



Công trình “*Những mối liên hệ thương mại giữa Philippines với khu vực Đông Bắc Á thế kỷ XVII*” (Nghiên cứu Đông Bắc Á, 11 (117), 2010) của Dương Văn Huy đã chỉ ra rằng, thế kỷ XVII được coi là giai đoạn bùng nổ của thương mại biển Đông Á. Người phương Tây can dự mạnh mẽ vào thị trường phương Đông, đồng thời các thương nhân khu vực cũng nổi lên mạnh mẽ như Hoa thương, Nhật thương, và những thương nhân này cũng đã trở thành những nhân tố cạnh tranh mạnh mẽ với các thương nhân phương Tây. Các nước trong khu vực Đông Á cũng tham dự mạnh mẽ trong mạng lưới thương mại thế giới và khu vực và trở thành những thị trường lớn, hay những đầu mối quan trọng trong hoạt động thương mại của khu vực.

Dương Văn Huy - Võ Thị Thu Nguyệt với nghiên cứu “*Nhân tố Trung Hoa trong sự hình thành và phát triển của Vương quốc Malacca thế kỷ XV*” (Nghiên cứu Đông Nam Á, 6 (135), 2011), phân tích sự tương tác giữa Trung Hoa và thế giới Mã Lai thông qua quan hệ triều cống và vai trò của cộng đồng người Hoa trong việc ra đời của Vương quốc Malacca thế kỷ XV. Nhóm tác giả nhấn mạnh rằng, chính sức ép từ phía Trung Hoa và cộng đồng người Hoa ở đây là nhân tố quan trọng giúp thúc đẩy sự ra đời của vương quốc Malacca bởi đây là một quốc gia nhưng lại là thương cảng quốc tế quan trọng hàng đầu ở khu vực trong lịch sử, nhất là trong hoạt động thương mại với các thương cảng của Trung Quốc.

Nghiên cứu về lịch sử cộng đồng cư dân Đông Nam Á hải đảo có bài “*Người Hoa ở Philippin dưới thời kỳ thuộc Tây Ban Nha*” của Dương Văn Huy (Nghiên cứu Đông Nam Á, 2 (131), 2011). Công trình cũng đã chỉ rõ rằng thời kỳ thuộc Tây Ban Nha

(1565-1898) là giai đoạn quan trọng trong tiến trình phát triển của lịch sử Philippines. Đồng thời, sự phát triển của kinh tế thương mại của Philippines đã thu hút nhiều di dân và thương nhân người Hoa đến di trú và hoạt động kinh tế tại quần đảo này. Mặc dù trong quá trình phát triển của cộng đồng người Hoa ở đây có những mâu thuẫn về lợi ích kinh tế với người Tây Ban Nha, song với sự nhạy bén trong hoạt động thương mại và sức sống mạnh mẽ của những người Hoa di trú ở quần đảo này, cho nên, họ đã sớm khẳng định được vị thế của mình. Bên cạnh đó, sự hình thành và phát triển của cộng đồng người Hoa ở Philippines cũng gặp rất nhiều thăng trầm, nhưng họ vẫn là nhân tố quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế- xã hội ở Philippines trong giai đoạn này.

Gần đây, tác giả Phạm Thanh Tịnh với tư cách là chủ biên cũng đã công bố nghiên cứu về *Biến đổi văn hoá Melayu ở Malaysia trong bối cảnh toàn cầu văn hoá* (Nxb Khoa học xã hội, 2018). Trong nghiên cứu này, nhóm tác giả cũng đã tập trung phân tích, nghiên cứu những biến đổi cụ thể trên các phương diện đời sống văn hoá người Melayu ở Malaysia trước tác động của yếu tố hội nhập toàn cầu. Điều này góp phần làm rõ thêm những tác động của các trào lưu văn hoá thời đại đối với mỗi quốc gia trong đó có những người Melayu. Bên cạnh đó, nhóm tác giả cũng làm rõ được thực trạng biến đổi của văn hoá ở Malaysia, nhất là yếu tố văn hoá truyền thống của người Melayu. Từ đó, nghiên cứu cũng đưa ra một số gợi mở cho Việt Nam trong việc bảo lưu các giá trị văn hoá truyền thống trong bối cảnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế.

Bên cạnh những công trình nghiên cứu



đã được công bố, Viện Nghiên cứu Đông Nam Á cũng triển khai một số công trình nghiên cứu về lĩnh vực này, chẳng hạn như Đề tài cấp Bộ *“Những vấn đề chính trị, kinh tế nổi bật của Philippines giai đoạn 2011-2020 và tác động đến Việt Nam”* do Lê Thị Thanh Hương chủ nhiệm, triển khai trong 02 năm 2009-2010, đề tài thuộc Chương trình cấp Bộ *“Những vấn đề chính trị, kinh tế nổi bật của Đông Nam Á giai đoạn 2010-2020 và tác động của chúng đến Việt Nam”*. Trong đề tài này, nhóm tác giả đã nhận diện, phân tích và đánh giá những vấn đề nổi bật của Philippines đến năm 2010. Đồng thời, đề tài cũng tìm hiểu những nhân tố tác động đến tình hình, xu hướng biến đổi chính trị, kinh tế của Philippines đến năm 2020, dự báo những tác động chủ yếu về chính trị - an ninh và kinh tế - xã hội đến Việt Nam. Trên cơ sở đó, đề tài cũng đã đề xuất các kiến nghị nhằm thúc đẩy sự hội nhập của Việt Nam với khu vực.

## 2. Về kinh tế - xã hội Đông Nam Á hải đảo

Các vấn đề kinh tế - xã hội Đông Nam Á hải đảo cũng là một trong những xu hướng nghiên cứu quan trọng của các nhà nghiên cứu tại Viện Nghiên cứu Đông Nam Á. Trước hết phải kể đến những nghiên cứu chiến lược phát triển của các quốc gia Malaysia, Indonesia, Singapre và Philippines. Trong số những nghiên cứu này phải kể đến các nghiên cứu của Nguyễn Văn Hà về *“Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội Malaysia”*; *“Đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Malaysia”*; *“Kinh nghiệm cải cách kinh tế ở Malaysia”*; *Điều chỉnh cơ cấu kinh tế Malaysia sau độc lập*. Nghiên cứu của Phạm Đức Thành về *Malaysia trên*

*đường phát triển* (Nxb Chính trị Quốc gia, 1993). Những công trình nghiên cứu này đã phân tích làm rõ quá trình chuyển đổi mô hình phát triển kinh tế của Malaysia trong mỗi giai đoạn, đặc biệt là những hoạt động kinh tế đối ngoại. Điều này cho phép chúng ta có cái nhìn toàn diện hơn đối với bức tranh về chuyển biến trong cấu trúc kinh tế Malaysia từ sau khi nước này giành được độc lập.

Bên cạnh đó, là những nghiên cứu chiến lược phát triển về các quốc gia Đông Nam Á hải đảo nằm trong các công trình như *“Đặc điểm con đường phát triển kinh tế - xã hội các nước ASEAN”* do Phạm Đức Thành và Trương Duy Hoà chủ biên (Nxb Khoa học Xã hội, 2002). Trong nghiên cứu này, nhóm tác giả đã phân tích làm rõ các đặc điểm chung về phát triển kinh tế - xã hội các nước như các nước đều đi lên từ nông nghiệp; đi lên từ sử dụng nhiều lao động đến sử dụng nhiều tư bản và công nghệ cao; đi từ chiến lược công nghiệp thay thế nhập khẩu đến công nghiệp hoá hướng về xuất khẩu; phụ thuộc vào vốn, công nghệ và thị trường nước ngoài; vai trò quan trọng của nhà nước trong phát triển kinh tế - xã hội; mở rộng và đa dạng hoá các lĩnh vực hợp tác nội khối và với bên ngoài.

Tác giả Trần Khánh cũng công bố nhiều công trình nghiên cứu của mình về Singapore như *“Cộng hoà Singapore trong Đông Nam Á: Lịch sử và hiện tại”* (Nxb Sự thật, Hà Nội 1990); *“Nhà nước và sự hình thành bản sắc quốc gia - dân tộc Singapore”* (Nghiên cứu Đông Nam Á, số 3 (4) 1991); *“Thành công của Singapore trong phát triển kinh tế”* (Nxb Chính trị Quốc gia, 1993); *“Vị trí của Singapore trong hợp tác kinh tế”* trong *Đông Nam Á trên đường phát triển* (Nxb Khoa học Xã



hội, 1995); “*Đặc thù phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Singapore*” trong *Việt Nam - ASEAN*” (Nxb Khoa học Xã hội, 1996); “*Phát triển và thích nghi nguồn nhân lực với công nghiệp hoá và hiện đại hoá: Kinh nghiệm của Singapore*” (Nghiên cứu Đông Nam Á, 1996); “*Vị thế của Singapore trong hợp tác kinh tế với Việt Nam và người Hoa ở Singapore*”, v.v. những nghiên cứu này đã đề cập đến nhiều lĩnh vực, song tập trung nhiều nhất vẫn là các vấn đề kinh tế - xã hội và phát triển bền vững, chỉ ra nguyên nhân mang đến thành công cho quốc đảo này, điểm mạnh yếu, những thách thức của Singapore trong phát triển và hội nhập quốc tế. Từ đây bài học được đúc kết là: Singapore đã phát huy được những điểm mạnh, có cách tiếp cận tổng hợp các yếu tố phát triển, vận dụng và điều chỉnh linh hoạt các chính sách và chiến lược phát triển, kết hợp được với các yếu tố địa chính trị. Đặc biệt, Singapore tiếp quản được những di sản từ thời thuộc địa Anh như cơ sở hạ tầng và hệ thống pháp lý tương đối toàn diện, chặt chẽ dựa trên luật pháp thương mại của Anh<sup>(6)</sup>.

Ngoài ra, đề tài cấp Bộ “*Cải cách hệ thống tài chính - tiền tệ của Indonesia và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam*” do Nguyễn Văn Hà làm chủ nhiệm triển khai trong hai năm 2013-2014, trong đó nhóm tác giả tập trung nghiên cứu thực trạng hệ thống tài chính - tiền tệ của Indonesia trước khủng hoảng 1997-1998, trong đó đề tài đã phân tích cơ cấu, thực trạng của hệ thống tài chính tiền tệ Indonesia. Nhóm nghiên cứu cũng đã chú trọng tới việc phân tích các chính sách tự do hoá, giảm điều tiết hệ thống tài chính, những vấn đề nảy sinh, bất cập trong quá trình thực thi tự do hoá dẫn đến những khó khăn trong quản lý, giám sát khu vực tài chính ở nước này.

Ngoài ra, đề tài cũng tập trung vào nghiên cứu, đánh giá những nội dung chủ yếu của cải cách hệ thống tài chính - tiền tệ ở Indonesia từ năm 1997 đến nay về thể chế và chính sách, cải cách và kết cấu lại khu vực tài chính ngân hàng, phi ngân hàng, các cải cách nhằm nâng cao năng lực quản lý, giám sát hệ thống tài chính, trong điều hành tiền tệ.

### **3. Về các vấn đề chính trị - an ninh Đông Nam Á hải đảo và nghiên cứu về Biển Đông**

Nghiên cứu các vấn đề chính trị - an ninh khu vực Đông Nam Á hải đảo cũng đạt được một số thành tựu nhất định. Nghiên cứu của Dương Văn Huy về “*Indonesia trong trục xoáy chiến lược các nước lớn ở Đông Nam Á trong giai đoạn hiện nay*” (Tạp chí Quan hệ Quốc phòng - Bộ Quốc phòng, số 24, quý IV/2013), trong đó tác giả cho rằng, trong bối cảnh Trung Quốc đang trở dậy mạnh mẽ cả về kinh tế và sức mạnh quân sự và đang thúc đẩy gia tăng ảnh hưởng của mình đối với khu vực Đông Nam Á, những tranh chấp về chủ quyền Biển Đông giữa nước này với một số thành viên ASEAN ngày càng phức tạp. Mỹ, Ấn Độ, Nga, Australia cũng gia tăng can dự vào khu vực theo các phương thức của mình. Với tư cách là quốc gia lớn nhất trong khối ASEAN, Indonesia đang trở thành trục xoáy chiến lược của các cường quốc lớn trên thế giới trong chiến lược can dự và tranh giành ảnh hưởng đối với khu vực Đông Nam Á.

Công trình nghiên cứu “*Đánh giá thực trạng và xu thế về gia tăng ảnh hưởng chiến lược Trung Quốc đối với Malaysia*” của Dương Văn Huy (Tạp chí Sự kiện & Nhân vật, số 238, 10/2013), làm rõ việc từ



sau khi Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình có chuyến thăm chính thức tới Malaysia, hai bên đã quyết định nâng tầm quan hệ hai nước lên “*quan hệ đối tác chiến lược toàn diện*”. Động thái này của Trung Quốc đã thể hiện rõ tầm quan trọng của Kuala Lumpur trong chiến lược của Bắc Kinh đối với khu vực. Tiếp đến, Dương Văn Huy cũng đã công bố nghiên cứu về “*Thực trạng và xu thế quan hệ Malaysia với Mỹ và Trung Quốc*” (Tạp chí Sự kiện & Nhân vật, số 247 (07/2014), trong đó tác giả cho rằng cạnh tranh chiến lược giữa các cường quốc đối với khu vực Đông Nam Á, nhất là cặp quan hệ Trung Quốc - Mỹ, ngày càng quyết liệt. Điều này đem lại nhiều cơ hội cho các nước trong khu vực, nhưng cũng tạo ra nhiều thách thức lớn. Đa phần các nước, trong đó có Malaysia, cố gắng thực hiện chính sách “cân bằng” để tránh không bị cuốn vào vòng xoáy của cuộc chiến cạnh tranh ảnh hưởng Trung - Mỹ, đây là chính sách khó khăn, nhưng là lựa chọn hợp lý nhất đối với nhiều nước ở khu vực trong bối cảnh hiện nay. Bên cạnh đó, Dương Văn Huy trong nghiên cứu của mình về “*Bước tiến mới trong quan hệ Mỹ - Philippines sau chuyến thăm châu Á của Tổng thống Mỹ Barack Obama*” (Tạp chí Sự kiện & Nhân vật, số 245, 05/2014), đã phân tích những chuyển biến quan hệ Mỹ - Philippines từ sau chuyến công du Philippines của Tổng thống Mỹ Barack Obama trong hai ngày 28 và 29/4/2014. Đây được coi là điểm dừng chân quan trọng trong chuyến công du châu Á lần này của ông Obama nhằm gia tăng cam kết chiến lược gia tăng hiện diện của Washington đối với khu vực qua chiến lược “xoay trục” hay “tái cân bằng” của mình.

Đối với những nghiên cứu về Biển Đông, các nhà nghiên cứu trong Viện cũng

đã có nhiều công bố liên quan đến vấn đề này. Về các tranh chấp Biển Đông, các nhà nghiên cứu trong Viện đã thực hiện một số đề tài bàn về quan điểm chính sách biển của các quốc gia Malaysia, Philippines, Indonesia, Singapore và Brunei, cũng như yêu sách chủ quyền, lập trường và chính sách của Malaysia, Philippines và Brunei trong khu vực quần đảo Trường Sa nói riêng. Trong những năm gần đây, các nhà nghiên cứu cũng mở rộng nghiên cứu và đóng góp tiếng nói chung để bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia thông qua việc công bố ngày càng nhiều những nghiên cứu về Biển Đông. Tác giả Trần Khánh trong nghiên cứu của mình về “*Tranh chấp Biển Đông nhìn từ góc độ địa chính trị*” (Nghiên cứu Đông Nam Á, số 2 (143), 2012) cũng nhấn mạnh rằng, tranh chấp chủ quyền biển Đông, trước hết là hai quần đảo Hoàng Sa (Pracel hay Paracels) và Trường Sa (Spratlys) nổi lên từ sau Chiến tranh Thế giới thứ II, nhưng chúng leo thang với mức độ khá nghiêm trọng, nhất là từ cuối thập niên đầu thế kỷ XXI bởi các hành động cứng rắn đòi chủ quyền của một số nước liên quan. Sự nóng lên đó cùng với tần số cao các cuộc hội nghị, diễn đàn an ninh quốc tế đề cập nhiều đến vấn đề này đang báo hiệu sự thay đổi tư duy và hành động chiến lược của nhiều quốc gia đối với Biển Đông cũng như sự biến động phức tạp của môi trường địa chính trị và trật tự khu vực. Về tranh chấp bãi cạn Scarborough giữa Trung Quốc và Philippines, và vụ việc Philippines kiện “đường lưỡi bò” phi lý của Trung Quốc ra Tòa trọng tài Quốc tế cũng được phân tích trong bài viết “*Tranh chấp bãi cạn Scarborough và cách thức đấu tranh đòi chủ quyền của Philippines ở Biển Đông*” của Lê Thị Thanh Hương (Nghiên cứu



Đông Nam Á, số 5, 2013). Bên cạnh đó, nghiên cứu về “*Giải quyết tranh chấp chủ quyền giữa Singapore và Malaysia đối với đảo Pedra Branca, Middle Rocks, South Ledge và bài học kinh nghiệm cho giải quyết vấn đề chủ quyền biển và đảo trên Biển Đông*” của Dương Văn Huy (Tạp chí Sự kiện & Nhân vật, Chuyên đề đặc biệt: Tình hình tranh chấp chủ quyền biển đảo trên thế giới và các biện pháp giải quyết, 2013), trong đó bài viết chỉ ra rằng, ngày 23 tháng 5 năm 2008, Tòa án quốc tế đã đưa ra phán quyết vụ tranh chấp kéo dài 29 năm giữa hai nước là Singapore và Malaysia đối với đảo Pedra Branca, Middle Rocks và South Ledge. Năm 1989, Singapore đề nghị Malaysia cùng đưa vụ tranh chấp lên *Tòa án Công lý Quốc tế* (International Court of Justice - ICJ). Do hai bên đàm phán không đạt được nhiều tiến triển, cho nên cả hai bên đồng ý đưa ra Tòa án quốc tế phán quyết. Malaysia chấp nhận đề nghị này vào năm 1994. Năm 2003, hai bên ký một “*Thỏa thuận đặc biệt*” mở đường cho mỗi bên đưa các lập luận và chứng cứ của mình lên ICJ trong hai năm 2004, 2005. Đến ngày 23/5/2008, tòa đưa ra phán quyết: Pedra Branca thuộc về Singapore; chủ quyền Middle Rocks thuộc về Malaysia; trong khi đó chủ quyền bãi South Ledge nằm trong vùng chồng lấn giữa Pedra Branca và Middle Rocks, thủy triều lên thì bị ngập dưới nước, khi thủy triều rút thì nhô lên khỏi mặt nước, Tòa án quốc tế cho rằng chủ quyền đối với bãi đá này thuộc về quốc gia có chủ quyền lãnh hải ở đây, vì vậy chủ quyền bãi South Ledge sẽ thuộc về một trong hai bên sau khi hai quốc gia này tiến hành phân định lãnh hải. Bài viết cũng đã đưa ra một số kinh nghiệm trong việc giải quyết tranh chấp chủ quyền lãnh thổ giữa

hai quốc gia bằng kênh pháp lý khi mà việc đàm phán diễn ra không thành công.

Bên cạnh đó, Dương Văn Huy công bố nghiên cứu về “*Vấn đề Biển Đông từ Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN lần thứ 48*” (Tạp chí Sự kiện & Nhân vật, số 260/2015), trong đó tác giả cũng phân tích đánh giá vấn đề Biển Đông trong một hội nghị quan trọng của ASEAN, đó là Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN lần thứ 48 (AMM-48) từ ngày 4-6/8/2015 diễn ra tại Malaysia. Đây là hội nghị mang tính thường kỳ, nhưng với tư cách là nước Chủ tịch luân phiên ASEAN năm 2015 cũng là một bên có yêu sách chủ quyền đối với Biển Đông, cho nên vấn đề tranh chấp chủ quyền giữa Trung Quốc và một số quốc gia ASEAN đã trở thành chủ đề nóng của Hội nghị lần này vấn đề Biển Đông vẫn là chủ đề nóng được quan tâm của ASEAN, điều đó thể hiện việc Hiệp hội này ngày càng thể hiện sự nhất trí cao hơn trong vấn đề Biển Đông. Tuy nhiên, do sự khác biệt còn quá lớn trong quan điểm giữa Trung Quốc và ASEAN nên hai bên hầu như có rất ít tiến triển trong việc tìm ra tiếng nói chung trong vấn đề Biển Đông. Trung Quốc một mặt gia tăng thay đổi hiện trạng trên biển, mặt khác hô hào các nước khác giải quyết vấn đề tranh chấp bằng phương pháp hòa bình thương lượng. Nhất là việc Trung Quốc luôn thể hiện “thái độ bất hợp tác” khi luôn từ chối đưa vấn đề Biển Đông vào trong các chương trình nghị sự của ASEAN.

Nghiên cứu về “*ASEAN trước vụ Philippin kiện “Đường lưỡi bò” của Trung Quốc*” của Dương Văn Huy (Sự kiện & Nhân vật nước ngoài, Chuyên đề: Biển Đông ở bước ngoặt mới 2016), tác giả cũng đã phân tích những động thái của ASEAN trước vụ kiện, theo đó tác giả nhận định



rằng ASEAN thể hiện thái độ “im lặng”, hay nói cách khác ASEAN chưa đạt được lập trường quan điểm chung trước vụ kiện của Philippines đối với đường lưỡi bò của Trung Quốc. Bên cạnh đó, tác giả Dương Văn Huy cũng có nghiên cứu về “*Tác động và phản ứng của ASEAN sau phán quyết của PCA*” (Tạp chí Khoa học và Chiến lược, số 8, 8/2016), trong nghiên cứu này, tác giả đã làm rõ việc Tòa Trọng tài Thường trực (PCA) tại The Hague, Hà Lan ra phán quyết thắng kiện đối với Philippines trong vụ kiện của nước này đối với yêu sách “đường lưỡi bò” phi lý của Trung Quốc ngày 12/07/2016. Kết quả của phán quyết này tác động mạnh mẽ đối với ASEAN và phản ứng của các nước cũng rất khác nhau, điều này tạo ra nguy cơ lớn đối với khối này trong thời gian tới. Cho tới nay, ASEAN chưa đạt được lập trường chung trong vấn đề Biển Đông mà nguyên nhân chính là khối này đã không đạt được sự đồng thuận do sự bất đồng về quan điểm giữa các quốc gia thành viên.

Ngoài ra, Dương Văn Huy trong nghiên cứu của mình về “*Quan điểm lập trường và phản ứng của một số quốc gia Đông Nam Á về vấn đề Biển Đông hiện nay*” (Tạp chí Cảnh sát biển Việt Nam, số 4 (22) 2017), tác giả cho rằng vấn đề tranh chấp chủ quyền ở Biển Đông là nhân tố đe dọa lớn nhất đối với vấn đề chính trị và an ninh ở khu vực Đông Nam Á. Trong bối cảnh tranh chấp chủ quyền ở khu vực biển, khu vực này ngày càng nóng và phức tạp, rất dễ bùng lên thành những vụ xung đột vũ trang. Điều này không chỉ đe dọa tới an ninh khu vực, mà còn đe dọa tới vấn đề an ninh mang tính toàn cầu do vị trí địa - chiến lược vô cùng quan trọng của khu vực này trên bàn cờ quốc tế. ASEAN, với tư cách là tổ chức mang tính khu vực có vai

trò quan trọng trong việc ngăn ngừa gia tăng khả năng xung đột và thúc đẩy tiến trình giải quyết tranh chấp biển, đảo bằng con đường hoà bình và trên cơ sở luật pháp quốc tế. Tuy nhiên, ASEAN ngày càng bị “tê liệt” trước Trung Quốc đối với vấn đề Biển Đông, điều này cho thấy trong nội bộ các thành viên của khối này đang có những lập trường, quan điểm khác nhau, đó cũng là lý do các nước này có những phản ứng khác nhau đối với vấn đề Biển Đông hiện nay.

#### **4. Những vấn đề đặt ra đối với nghiên cứu về Đông Nam Á hải đảo**

Phòng Nghiên cứu Hải đảo trên cơ sở kế thừa và tiếp tục những hướng nghiên cứu mà những cán bộ, nhà nghiên cứu đi trước đã vạch ra, song phòng cũng định ra một số hướng nghiên cứu mang tính chiến lược. Trước đây, những nghiên cứu của Viện chủ yếu tập trung vào các quốc gia khu vực Hải Đảo, song trong thời gian tới, ngoài việc nghiên cứu về các quốc gia thì Viện cũng cần nghiên cứu những vấn đề chung của khu vực, cũng như sự tương tác giữa các quốc gia trong khu vực hải đảo với nhau.

Thứ nhất, tập trung nghiên cứu một cách hệ thống về lịch sử - văn hoá các quốc gia Đông Nam Á, làm rõ sự ra đời và các mô hình phát triển các nhà nước Đông Nam Á hải đảo trong lịch sử. Đồng thời làm rõ quá trình hội nhập khu vực và quốc tế, nhất là quá trình tương tác với thế giới Trung Hoa, Ấn Độ, phương Tây, cũng như Nhật Bản trong lịch sử.

Thứ hai, tập trung nghiên cứu làm rõ các vấn đề dân tộc và tôn giáo khu vực Đông Nam Á hải đảo, nhất là vấn đề Hồi giáo, Kito giáo, cũng như sự tương tác giữa tôn giáo với chính trị, tôn giáo với xã hội



và tôn giới với kinh tế các quốc gia Đông Nam Á hải đảo.

Thứ ba, tập trung làm rõ những vấn đề chính trị - ngoại giao, cũng như sự phát triển về kinh tế - xã hội và an ninh quốc phòng của các quốc gia Đông Nam Á hải đảo hiện nay, nhất là trong bối cảnh gia tăng ảnh hưởng một cách mạnh mẽ của các nước lớn bên ngoài, làm rõ việc các nước ứng xử với cục diện khu vực và thế giới biến đổi mau lẹ như hiện nay.

Thứ tư, tập trung làm rõ vấn đề biển đảo khu vực này, nhất là vấn đề Biển Đông cũng như vấn đề hợp tác và an ninh hàng hải, bởi trong số các quốc gia có yêu sách chủ quyền ở Biển Đông thì Đông Nam Á hải đảo đã có 3 quốc gia (gồm Philippines, Malaysia và Brunei) và các quốc gia khác đều có lợi ích rất lớn đối với vấn đề Biển Đông.

Thứ năm, làm rõ quá trình tương tác giữa Việt Nam với các quốc gia Đông Nam Á hải đảo từ trong lịch sử cho tới nay. Đồng thời, trong bối cảnh ra đời Cộng đồng ASEAN, sự hội nhập giữa các quốc gia trong khu vực ngày càng sâu sắc hơn, cho nên việc nghiên cứu mối quan hệ giữa Việt Nam với các quốc gia Đông Nam Á hải đảo cần được đẩy mạnh hơn.

### Kết luận

Có thể nói, trong những năm vừa qua Viện Nghiên cứu Đông Nam Á đã đạt được nhiều thành tựu trong việc nghiên cứu về Đông Nam Á hải đảo, các kết quả nghiên cứu có xu hướng mở rộng dần từ những vấn đề lịch sử văn hoá khu vực này sang các vấn đề kinh tế - xã hội và chính trị - An ninh, nhất là vấn đề nghiên cứu về Biển Đông ngày càng được chú trọng nghiên cứu và dần đi vào nghiên cứu mang tính hệ

thống hơn. Bên cạnh đó, trong bối cảnh Cộng đồng ASEAN ra đời, nhu cầu hội nhập và nghiên cứu chuyên sâu, toàn diện và hệ thống đối với khu vực này ngày càng đặt ra cấp thiết hơn. Đây cũng chính là nhiệm vụ quan trọng đối với Viện Nghiên cứu Đông Nam Á nói chung và Phòng nghiên cứu các nước hải đảo nói riêng - với tư cách là phòng nghiên cứu chuyên trách về Đông Nam Á hải đảo./.

### CHÚ THÍCH

1. Lê Thị Thanh Hương, "Vài nét về nghiên cứu các quốc gia Đông nam Á hải đảo", trong *40 năm Viện nghiên cứu Đông Nam Á (1973-2013)*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội 2003, tr.196.
2. Nguyễn Đức Ninh, "Thành tựu nghiên cứu Malaysia", trong Phạm Đức Thành (chủ biên), *Viện Nghiên cứu Đông Nam Á: 30 năm xây dựng & trưởng thành (1973-2003)*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội 2003, tr.351.
3. Lê Thanh Hương, *Vài nét về nghiên cứu các quốc gia Đông Nam Á hải đảo*, trong *40 năm Viện nghiên cứu Đông Nam Á (1973-2013)*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội 2003, tr.200.
4. Phạm Thị Vinh, "Nghiên cứu về Islam" trong *Viện Nghiên cứu Đông Nam Á 30 năm xây dựng và trưởng thành (1973-2003)* do Phạm Đức Thành chủ biên, Nxb Khoa học Xã hội, 2003, tr.151.
5. Lê Thanh Hương, *Vài nét về nghiên cứu các quốc gia Đông Nam Á hải đảo*, trong *40 năm Viện nghiên cứu Đông Nam Á (1973-2013)*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội 2003, tr.201-202.
6. Lê Thị Thanh Hương, "Vài nét về nghiên cứu các quốc gia Đông nam Á hải đảo", trong *40 năm Viện nghiên cứu Đông Nam Á (1973-2013)*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội 2003, tr.198-199.